

Số: /BC-BDT

Khánh Hòa, ngày tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2021

Thực hiện Công văn số 1852/UBND ngày 11/3/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thực hiện báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban Dân tộc báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC quý I và triển khai nhiệm vụ quý II năm 2021 với các nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CCHC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tiếp tục quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện các nội dung Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai Chương trình hành động số 12-CTr/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch 10316/KH-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ban Dân tộc không có bộ phận một cửa, một cửa liên thông, nhưng các tiêu chí đánh giá đối với cán bộ, công chức theo Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh được lồng ghép trong quy chế thi đua - khen thưởng của cơ quan.

Lãnh đạo Ban thường xuyên quan tâm, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan nội dung các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về nhiệm vụ CCHC.

Căn cứ Kế hoạch CCHC tỉnh Khánh Hòa năm 2021, Ban Dân tộc đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-BDT ngày 29/01/2021 về Kế hoạch CCHC năm 2021, trong đó xác định đầy đủ nhiệm vụ CCHC, phân công trách nhiệm, xác định kết quả và sản phẩm cụ thể đạt được. Đồng thời, ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện đầy đủ các kế hoạch liên quan đến công tác CCHC gồm: Kế hoạch duy trì, cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Kế hoạch rà soát, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 trên lĩnh vực công tác dân tộc; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2021 của Ban Dân tộc; sửa đổi, bổ sung các Quy chế nội bộ của cơ quan.

Kịp thời đề xuất khen thưởng đối với công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có thành tích về công tác cải cách hành chính.

2. Về kiểm tra cải cách hành chính

Thực hiện Công văn số 1294/UBND ngày 23/02/2021 của UBND tỉnh và Công văn 85/SNV-CCHC ngày 15/01/2021 của Sở Nội vụ về việc khắc phục tồn tại, hạn chế qua kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2020, Ban Dân tộc ban hành Kế hoạch số 02/KH-BDT ngày 25/01/2021 và Kế hoạch 15/KH-BDT ngày 15/3/2021 về việc khắc phục những tồn tại, hạn chế sau kiểm tra cải cách hành chính của cơ quan Ban Dân tộc năm 2020, trong đó có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, tập thể và thời gian hoàn thành.

Lãnh đạo Ban đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-BDT ngày 12/3/2021 về Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021 của Ban Dân tộc; trong đó tiến hành kiểm tra 100% các phòng thuộc Ban trong quý III và quý IV/2021.

3. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn cải cách hành chính

Lãnh đạo Ban thường xuyên quan tâm, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan nội dung các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về nhiệm vụ CCHC; các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch CCHC của tỉnh và Kế hoạch CCHC của Ban Dân tộc thông qua các cuộc họp chi bộ, giao ban hàng tuần, hàng tháng, qua hệ thống E-office và đăng tải trên Trang thông tin điện tử cơ quan đảm bảo sự thông suốt trong chỉ đạo, điều hành.

Đồng thời, cơ quan cũng đã tuyên truyền, phổ biến các nội dung về CCHC đến người đồng bào dân tộc thiểu số thông qua lồng ghép trong các lớp tuyên truyền, tập huấn công tác dân tộc, chính sách dân tộc và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải bản tin trên Trang thông tin điện tử của Ban Dân tộc, Trang CCHC của tỉnh; Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai Chương trình hành động số 12-CTr/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch 10316/KH-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa; Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh; văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh và những thông tin, tiện ích Trung tâm cung cấp cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

Triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc năm 2021, Ban Dân tộc đã tham mưu UBND tỉnh:

- Trình Tỉnh ủy thông qua Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 11/01/2021 về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Ban hành Kế hoạch số 1163/KH-UBND ngày 17/02/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2021; Kế hoạch số 1208/KH-UBND ngày 19/02/2021 về việc thực hiện Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 1651/KH-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc năm 2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Kế hoạch số 1777/KH-UBND ngày 10/3/2021 thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025 (giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Thực hiện Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021, Ban Dân tộc ban hành Quyết định số 07/QĐ-BDT ngày 04/02/2021 về Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021. Nội dung Kế hoạch đảm bảo đầy đủ các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định, có sự phân công, phối hợp nhiệm vụ rõ ràng, hợp lý; có xác định thời hạn thực hiện và dự kiến sản phẩm cụ thể.

- Công văn số 13/BDT-VP ngày 08/01/2021 đăng ký danh mục thủ tục hành chính rà soát đơn giản hóa năm 2021.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định trong hoạt động của cơ quan: Quy chế thi đua, khen thưởng, Quy chế làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ; ban hành Kế hoạch luân chuyển cán bộ, công chức trong cơ quan và phối hợp với Sở Nội vụ về việc tuyển dụng công chức hành chính năm 2021.

- Ban hành công văn số 32/BDT-VP ngày 19/01/2021 về phương án sắp xếp, tổ chức lại cơ quan Ban Dân tộc theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

- Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ mới 2025 - 2030, 2026 - 2031 theo Công văn số 59-CV/BCS ngày 26/02/2021 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh; rà soát, bổ sung quy hoạch lãnh đạo cấp phòng giai đoạn 2021 - 2025.

4. Cải cách chế độ công vụ

Thực hiện Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Khánh Hòa năm 2021; Ban Dân tộc đã ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 60/KH-BDT ngày 14/12/2020 về Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Ban Dân tộc năm 2021; tạo điều kiện và cử 03 công chức tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên Chính.

5. Cải cách tài chính công

Căn cứ Luật ngân sách và các quy định của Chính phủ về về quản lý tài chính công, Ban đã nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách hàng năm, thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng nội dung và định mức được chi; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện công khai ngân sách theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả hệ thống mạng LAN hiện có, kết nối Internet qua đường truyền số liệu của UBND tỉnh; thực hiện gửi nhận văn bản dưới dạng điện tử qua hệ thống E-office. 100% cán bộ, công chức của Ban đã thực hiện gửi, nhận văn bản dưới dạng điện tử qua hệ thống E-office và thư điện tử công vụ. Cơ quan đã trang bị thêm máy tính và phần mềm diệt virus nhằm tăng hiệu quả sử dụng và an toàn thông tin mạng.

- Ban hành Kế hoạch số 05/KH-BDT ngày 05/02/2021 về việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của Ban Dân tộc năm 2021; Kế hoạch số 13/KH-BDT ngày 21/02/2021 về việc ứng dụng công nghệ thông tin năm 2021 của Ban Dân tộc; cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời trên Trang thông tin điện tử của cơ quan.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Không

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC QUÝ II NĂM 2021

1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan nội dung các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác CCHC; xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021.

2. Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

3. Phối hợp với Học viện Dân tộc tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức thuộc đối tượng 3,4 theo Kế hoạch phát triển nhân lực của tỉnh năm 2021.

4. Đẩy mạnh và nâng cao mức độ ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm EOffice trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc.

5. Tiếp tục duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan.

6. Tiếp tục cập nhật thông tin cán bộ, công chức, lao động trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, lao động và Trang thông tin điện tử cơ quan theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Không.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2021, Ban Dân tộc tỉnh báo cáo./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- UBND tỉnh (để biết);
- Sở Nội vụ;
- Phụ trách CNTT (đăng Website);
- Lưu: VT, CCHC.

TRƯỞNG BAN

Đặng Văn Tuấn

Phụ lục 2
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI BAN DÂN TỘC
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BDT ngày /3/2021 của Ban Dân tộc tỉnh)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Quyết định số 05/QĐ-BDT ngày 29/01/2021 về Kế hoạch CCHC năm 2021 của Ban Dân tộc	Quyết định	1	- Ban Dân tộc
	- Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	23	- Ban Dân tộc
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	15	- Ban Dân tộc
1.2.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành:	Văn bản	8	- Ban Dân tộc
1.3.	Kiểm tra CCHC - Dự kiến thời gian: Quý III-IV/2021 - Số lượng: Kiểm tra 3/3 phòng thuộc Ban	Kế hoạch	1	- Ban Dân tộc
1.3.1.	Số cơ quan, đơn vị đã kiểm tra		0	
	- Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	- Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2.	Xử lý sau kiểm tra		0	
	- Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	- Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.4.	Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, người đứng đầu tham gia giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 <i>(Ban Dân tộc không có Bộ phận một cửa, một cửa liên thông, việc đánh giá các tiêu chí đối với cán bộ, công chức theo Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh được lồng ghép trong quy chế thi đua - khen thưởng của cơ quan)</i>	Tháng		- Ban Dân tộc
1.5.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			- Ban Dân tộc
	- Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	39	
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	39	
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của đơn vị mình - Dự kiến thực hiện vào Quý IV			- Ban Dân tộc
	- Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
	- Hình thức khảo sát	1		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	0	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành - Trong quý I, Ban Dân tộc không có tham mưu ban hành văn bản QPPL	Văn bản	0	- Ban Dân tộc
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát (Ban Dân tộc không có VBQPPL thuộc lĩnh vực công tác dân tộc tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc trình HĐND tỉnh thông qua liên quan đến các văn bản QPPL bị bãi bỏ tại Quyết định số 36/2020/QĐ-TTg ngày 19/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ - Công văn 109/BDT-TTr ngày 02/3/2021)	Văn bản	0	- Ban Dân tộc
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
	- Số TTHC tham mưu công bố mới	Thủ tục	0	
	- Số TTHC tham mưu bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.2.	Tổng số TTHC ngành/lĩnh vực đang có hiệu lực. Trong đó:	Thủ tục	2	- Ban Dân tộc
	- Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục	2	
	- Số TTHC cấp huyện	Thủ tục	0	
	- Số TTHC cấp xã	Thủ tục	0	
3.3.	Công khai TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia			- Ban Dân tộc
	- Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	2	
	- Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	0	
3.4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (Ban Dân tộc không có Bộ phận một cửa, một cửa liên thông)			
3.4.1	Thống kê quy trình nội bộ giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh			
3.4.1.1.	Số quyết định phê duyệt quy trình nội bộ	Quyết định		
	- Thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Quyết định		
3.4.1.2.	Số lượng quy trình nội bộ được phê duyệt	Quy trình		
	- Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh	Quy trình		
	- Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Quy trình		
3.4.1.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.4.1.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.2.	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông. Trong đó:	Thủ tục		
	- Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
	- Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.4.3.	Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4. Trong đó:	Thủ tục		
	- Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
	- Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
3.4.4.	Số TTHC cho phép thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh. Trong đó:	Thủ tục		-
	- Số TTHC cho phép tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC cho phép trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC cho phép tiếp nhận và trả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
3.4.5.	Thông kê TTHC cho phép thanh toán trực tuyến	Thủ tục		
3.4.6.	Kết quả giải quyết TTHC	Hồ sơ		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đầu tư được giải	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>quyết định hạn (ở cả 3 cấp)</i>			
	<i>- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)</i>	%		
3.4.7.	<i>Kết quả cung cấp dịch vụ công</i>			
3.4.7.1.	Hồ sơ trực tuyến			
	<i>- Số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 3</i>	Hồ sơ		
	<i>- Số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 4</i>	Hồ sơ		
	<i>- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3</i>	%		
	<i>- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 4</i>	%		
3.4.7.2.	Hồ sơ thực hiện qua dịch vụ BCCI			
	<i>- Hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI</i>	Hồ sơ		
	<i>- Hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI</i>	Hồ sơ		
	<i>- Hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI</i>	Hồ sơ		
3.4.7.3.	Hồ sơ thanh toán trực tuyến			
	<i>- Số lượng hồ sơ được thanh toán trực tuyến</i>	Hồ sơ		
	<i>- Số tiền được thanh toán trực tuyến</i>	Đồng		
3.4.7.4	Tin nhắn tự động thông báo tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	Tin nhắn		
4.	<i>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</i>			
4.1.	<i>Cơ cấu tổ chức bộ máy</i>			- Ban Dân tộc
4.1.1.	Số phòng thuộc Ban	phòng	3	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	0	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	0	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Trong đó:	Cơ quan, đơn vị	0	
	<i>- Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	Cơ quan, đơn vị	0	
	<i>- Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	Cơ quan, đơn vị	0	
	<i>- Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị	0	
	<i>- Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	0	
4.2.	<i>Số liệu về biên chế công chức</i>			- Ban Dân tộc
	<i>- Tổng số biên chế được giao trong năm 2021</i>	Người	16	
	<i>- Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo</i>	Người	16	
	<i>- Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước</i>	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
	- Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11,1	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (Ban Dân tộc không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc)		0	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			Ban Dân tộc
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			Ban Dân tộc
5.2.1.	Tuyển dụng công chức		0	
	- Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	- Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
	- Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	
5.2.2.	Tuyển dụng viên chức		0	
	- Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	- Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			Ban Dân tộc
	- Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
	- Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền)		0	
	- Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
	- Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
	- Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			Ban Dân tộc không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.5.	Cổng/trang thông tin điện tử	Cổng/trang		
	- Cấp tỉnh	Chưa = 0 Có = 1	1	
	- Cấp huyện	Chưa = 0 Có = 1		
	- Cấp xã	Cổng/trang		
7.6.	Hệ thống Quản lý và điều hành văn bản (E-Office)			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong đó:			
	- Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	- Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	- Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.6.2.	Số lượng chứng thư số, chữ ký số đã cấp. Trong đó:	Chứng thư số, chữ ký số		
	- Cấp tỉnh	Chưa = 0 Có = 1	1	
	- Cấp huyện	Chưa = 0 Có = 1		
	- Cấp xã	Chứng thư số, chữ ký số		
7.6.3.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong đó:	Văn bản	186	- Ban Dân tộc
	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	186/186 đạt tỷ lệ 100 %	
	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	20/186 đạt tỷ lệ 10.8 %	
7.6.4.	Thư điện tử công vụ đang sử dụng. Trong đó:			
	- Cấp tỉnh	Email	7	Ban Dân tộc
	- Cấp huyện	Email		
	- Cấp xã	Email		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh			
	- Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
	- Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
	- Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		